

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày: 30-5-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2022/TLST-DS ngày 05/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐST - DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Mộng T, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N trình bày:

Chị Trần Thị Mộng T có nhờ chị vay dùm 04 lần tiền: Ngày 07/11/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 21/11/2020 vay 10.000.000 đồng; 27/11/2020 vay 30.000.000

đồng; 13/5/2021 cho vay 35.000.000 đồng. Tổng số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Ngày 23/01/2022 chị T có trả 20.000.000 đồng; ngày 27/01/2022 chị T trả 40.000.000 đồng nên còn thiếu 35.000.000 đồng. Chị T không có tiền trả nên chị phải vay tiền trả cho chị T.

Ngày 27/01/2022 chị T vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng từ khi vay đến nay chị T không đóng lãi. Số tiền vay 46.200.000 đồng vay 30/01/2022 chị T vay đỡ 2 tháng nên không có thoả thuận lãi.

Nay chị yêu cầu chị T và chồng Nguyễn Thanh Hòa trả số tiền vay cụ thể:

Số tiền 35.00.000 đồng và tiền lãi tính từ 30/01/2022 đến 05/2023 là 16 tháng, lãi suất 1%/tháng, thành tiền 5.600.000 đồng.

Số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 27/01/2022 đến tháng 5/2023 là 16 tháng, lãi suất 1%/tháng là 6.400.000 đồng.

Số tiền 46.200.000 đồng và tiền lãi tính từ 30/3/2022 đến tháng 5/2023 là 14 tháng, lãi suất 1%/tháng là 6.440.000 đồng.

** Theo bản khai ngày 30/12/2022 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị Mộng T trình bày:*

Ngày 07/11/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 27/11/2020 vay 30.000.000 đồng, ngày 21/11/2020 vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Do không có tiền đóng lãi nên chị vay số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 13/5/2021 để đóng lãi. Chị đóng lãi số tiền 60.000.000 đồng từ ngày 07/11/2020 đến 13/5/2021 lãi suất 6%/tháng với số tiền lãi 35.000.000 đồng. Ngày 23/01/2022 âm lịch trả 20.000.000 đồng; ngày 27/01/2022 âm lịch trả 40.000.000 đồng. Tổng cộng đã trả 60.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng. Số tiền 35.000.000 đồng từ tháng 01/2022 đến nay không có đóng lãi.

Số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022 âm lịch nhưng chị có ghi biên nhận nhưng không có vay số tiền này, do chị N kêu chị viết biên nhận vay số tiền 40.000.000 đồng để trả số tiền vay 40.000.000 đồng trước đó (ngày 27/11/2020 vay 30.000.000 đồng, ngày 21/11/2020 vay 10.000.000 đồng) nên chị viết biên nhận nhưng chiều cùng ngày (27/01/2022 âm lịch) chị bán được bò nên đem tiền trả 40.000.000 đồng nên chị không có vay 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022. Số tiền 46.200.000 đồng ngày 30/01/2022 chị mượn chị N đỡ trong vòng 2 tháng nên không có thoả thuận lãi. Số tiền 46.200.000 đồng chị mượn chị N để đóng lãi của số tiền 95.000.000 đồng, đóng lãi từ ngày 13/5/2021 đến 30/01/2022 mức lãi 6%/tháng. Hiện chị còn thiếu chị N số tiền 81.200.000 đồng, chị xin trả dần số tiền này và xin không phải đóng lãi vì không có khả năng, còn số tiền 40.000.000 đồng ngày 27/01/2022 chị

không có vay nên không đồng ý trả. Số tiền lãi chị đã đóng thì không yêu cầu xem xét lại.

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H trình bày:* Anh là chồng của chị Trần Thị Mộng T, anh không biết chị T vay tiền vì chị T không nói cho anh biết. Chị N cho chị T vay số tiền lớn mà không nói cho anh biết. Nay anh biết chị T thiếu nợ của chị N, Anh là chồng thì anh sẽ phụ trả nợ với chị T số tiền vốn và trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng còn tiền lãi thì không đồng ý.

Tại Tòa:

** Nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N trình bày:* Chị T vay tiền ngày 07/11/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 21/11/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 27/11/2020 vay 30.000.000 đồng. Tổng cộng 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Tiền này chị đứng ra vay dùm cho chị T nhưng chị T không trả nên chị phải đi vay để trả chủ nợ. Chị T không có tiền đóng lãi nên ngày 13/5/2021 vay 35.000.000 đồng để đóng lãi cho số tiền trên và mấy triệu trả tiền vay khác. Ngày 23/01/2022 chị T có trả được 20.000.000 đồng. Thấy chị T đóng lãi cao nên chị hỏi chị ruột của chị cho chị T vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng để trả cho số tiền 40.000.000 đồng lãi suất 6%/tháng (vay ngày 21/11/2020 vay 10.000.000 đồng; 27/11/2020 vay 30.000.000 đồng). Chị T đồng ý nên chị T viết biên nhận vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022, đồng thời chị ghi vào giấy biên nhận trước là chị T có trả 40.000.000 đồng. Chị T cho rằng chiều ngày 27/01/2022 chị T bán bò có trả chị số tiền 40.000.000 đồng là không có. Tóm lại số tiền 40.000.000 đồng chị T vay đầu này trả đầu kia. Còn số tiền 46.200.000 đồng vay vào ngày 30/01/2022 chị T vay để trả tiền vay của số tiền 95.000.000 đồng (20.000.000 đồng vay ngày 07/11/2020, 10.000.000 đồng vay ngày 21/11/2020; 30.000.000 đồng vay ngày 27/11/2020; 35.000.000 đồng vay ngày 13/5/2021).

Chị yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Mộng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H liên đới trả số tiền vay 121.200.000 đồng và số tiền lãi 17.368.440 đồng (số tiền 75.000.000 đồng mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ tháng 01/2022 đến tháng 5/2023 là 16 tháng tiền lãi là 12.000.000 đồng và số tiền 46.200.000 đồng, mức lãi suất 0.83%/tháng thời gian tính lãi từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2023 là 14 tháng tiền lãi là 5.368.440 đồng). Chị không đồng ý yêu cầu xin trả dần và xin tiền lãi của chị T và anh Hòa.

** Bị đơn chị Trần Thị Mộng T trình bày:* Số tiền chị vay 20.000.000 đồng vào ngày 07/11/2020 và 30.000.000 đồng ngày 27/11/2020 là vay cho bạn mượn, số tiền

10.000.000 đồng ngày 21/11/2020 là vay cho bản thân chị, số tiền 35.000.000 đồng ngày 13/5/2021 vay để trả lãi cho các lần vay trước.

Biên nhận ghi vay số tiền 40.000.000 đồng ngày 27/01/2022 và vay số tiền 46.200.000 đồng ngày 30/01/2022 chị viết vào ngày 27/01/2022. Số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022, chị không có vay hay nhận số tiền này. Biên nhận là do chị N kêu chị viết nhưng chiều ngày 27/01/2022 chị có tiền bán bò nên trả cho chị N 40.000.000 đồng và chị N có ghi phần dưới của biên nhận là chị đã trả 40.000.000 đồng. Số tiền 40.00.000 đồng ghi ngày 27/01/2022 chị không có vay và không có nhận số tiền này của chị N, do chỗ quen biết tin tưởng nên chị không có lấy lại biên nhận cũng như yêu cầu chị N xóa bỏ nội dung vay 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022.

Chị thừa nhận số tiền còn thiếu của chị N là 81.200.000 đồng, chị không có vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022 nên chị không đồng ý trả. Hiện chị không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi hết số nợ 81.200.000 đồng, có tiền chị sẽ trả nhiều hơn. Số tiền lãi đã đóng thì chị không yêu cầu tính lại, chị xin không trả tiền lãi từ tháng 1/2022 đến nay.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Hòa trình bày: việc vay tiền anh không biết, chị T vay tiền cũng như chị N cho vay cũng không nói với anh. Khi xảy ra tranh chấp thì anh mới biết, anh là chồng chị T nên anh đồng ý cùng chị T trả số tiền vốn, còn tiền lãi thì không đồng ý, do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần, trả một lần không khả năng.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N yêu cầu chị Trần Thị Mộng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Hòa trả số tiền vay 121.200.000 đồng vay vào ngày 13/5/2021 là 35.000.000 đồng, ngày 27/01/2022 là 40.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng; số tiền ngày 30/01/2022 là 46.200.000 đồng với lãi suất 0.83%/tháng. Chị T thừa nhận vay 81.200.000 đồng vay vào ngày 13/5/2021 là 35.000.000 đồng, vay 30/01/2022 là 46.200.000 đồng, xin trả dần và xin tiền lãi. Nguyên đơn xuất trình biên nhận thể hiện số nợ vay, bị đơn không có chứng cứ chứng minh đã trả nợ. Việc vay tiền anh Hòa cũng biết và đồng ý cùng chị T trả nợ. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T và anh Hòa trả cho nguyên

đơn số tiền 121.200.000 đồng và lãi chậm trả theo Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp chậm thi hành án thì thực hiện nghĩa vụ chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Mộng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H liên đới trả số tiền vay 121.200.000 đồng và số tiền lãi 17.368.440 đồng (số tiền 75.000.000 đồng mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi 16 tháng từ tháng 01/2022 đến tháng 5/2023 là 12.000.000 đồng và số tiền 46.200.000 đồng, mức lãi suất 0.83%/tháng thời gian tính lãi 14 tháng từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2023 là 5.368.440 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N và bị đơn chị Trần Thị Mộng T thống nhất số tiền vay ngày 07/11/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 21/11/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 27/11/2020 vay 30.000.000 đồng, ngày 30/01/2022 vay 46.200.000 đồng và thống nhất số tiền chị T đã trả là 20.000.000 đồng vào ngày 23/01/2022 (trả cho số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 07/11/2020) và 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022 (trả cho số tiền vay vào ngày 21/11/2020 là 10.000.000 đồng và ngày 27/11/2020 là 30.000.000 đồng).

Chị N và chị T không thống nhất số tiền vay 40.000.000 đồng ngày 27/01/2022. Chị N xác định chị T vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022 để trả cho số tiền vay 40.000.000 đồng (10.000.000 đồng vào ngày 21/11/2020; 30.000.000 đồng vào ngày 27/11/2020); chị T thì thừa nhận có viết giấy biên nhận vay 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022 nhưng không có vay tiền. Chị T không thừa nhận vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022 nhưng chị T không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Do chị T vay tiền nhưng vi phạm nghĩa vụ nên chị N khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn 121.200.000 đồng và tiền lãi 17.368.440 đồng là có cơ sở. Chị T thừa nhận số tiền còn thiếu 81.200.000 đồng và xin trả dần, xin lãi. Việc xin trả lãi, xin trả dần của chị T không được nguyên đơn chị N đồng ý và việc xin trả dần, xin không trả tiền lãi cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu tính lãi lại. Việc vay tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, sau khi vay anh Hòa biết và anh Hòa đồng ý liên đới nên anh Hòa liên đới cùng chị T trả nợ là phù hợp theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ

luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS – ST: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn chị Trần Thị Mộng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H phải nộp án phí 6.928.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N. Buộc bị đơn chị Trần Thị Mộng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Hòa liên đới trả cho nguyên đơn chị N số tiền vay 121.200.000 đồng và số tiền lãi 17.368.440 đồng (số tiền 75.000.000 đồng mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi 16 tháng từ tháng 01/2022 đến tháng 5/2023 là 12.000.000 đồng và số tiền 46.200.000 đồng, mức lãi suất 0.83%/tháng thời gian tính lãi 14 tháng từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2023 là 5.368.440 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DS-ST: Bị đơn chị Trần Thị Mộng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H phải nộp 6.928.000 đồng (Sáu triệu chín trăm hai mươi tám ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn lại cho nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.462.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008812 ngày 03/8/2022 và biên lai thu tiền số 0004155 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hồng Hạnh